



Hướng tới Chính sách Thuế Bền vững trong khối ASEAN:

Trường hợp Ưu đãi Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2020

VEPR Nội dung

- Tổng quan về các nước ASEAN
- Áp lực tài khóa, hệ thống thuế và bất bình đẳng
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia ASEAN
 - Khung pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ứng phó với COVID-19
 - Cạnh tranh thuế
 - Ưu đãi thuế và FDI
- Chi phí ưu đãi thuế doanh nghiệp trong khu vực ASEAN
- Ưu đãi thuế trên toàn cầu
- Khuyến nghị chính sách

VEPR Nội dung

- Tổng quan về các nước ASEAN
- Áp lực tài khóa, hệ thống thuế và bất bình đẳng
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia ASEAN
 - Khung pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ứng phó với COVID-19
 - Cạnh tranh thuế
 - Ưu đãi thuế và FDI
- Chi phí ưu đãi thuế doanh nghiệp trong khu vực ASEAN
- Ưu đãi thuế trên toàn cầu
- Khuyến nghị chính sách

VEPR Tổng quan

- Các nước ASEAN có sự đa dạng và khác biệt lớn xét trên khía cạnh vĩ mô, dân số và quản trị tốt. Singapore và Brunei là hai quốc gia có thu nhập bình quân đầu người cao nhất trong khu vực nhưng dân số thấp nhất (ít hơn 6 triệu người).

Tổng quan về các quốc gia ASEAN, 2018

Quốc gia	Dân số (triệu người)	Nữ (% dân số)	Lực lượng lao động (% dân số)	GDP (giá hiện hành, tỷ USD)	GDP (PPP giá hiện hành, tỷ USD)	GDP bình quân đầu người (PPP, USD)	Tỷ lệ nghèo (thu nhập)
Singapore	5.64	47.66	61.96	328.44	508.00	90,091.42	n. a
Brunei	0.43	48.04	49.99	13.49	30.80	71,802.27	n. a
Malaysia	31.53	48.58	48.79	382.13	889.14	28,201.06	0.40
Thái Lan	69.43	51.27	56.04	441.68	1,173.67	16,904.70	9.90
Indonesia	267.66	49.64	49.59	1,146.84	3,106.46	11,605.86	9.80
Philippines	106.65	49.74	41.13	322.30	847.08	7,942.51	21.60
Việt Nam	95.54	50.10	59.57	187.69	631.39	6,608.62	6.70
Lào	7.06	49.79	52.85	12.61	46.62	6,601.33	23.40
Myanmar	53.71	51.81	45.56	84.42	318.06	5,922.02	24.80
Cam-pu-chia	16.25	51.20	56.56	19.58	62.88	3,869.49	17.70

Ghi chú: dữ liệu nghèo: Myanmar (2017); Campuchia và Lào (2012); Philippines và Malaysia (2015).

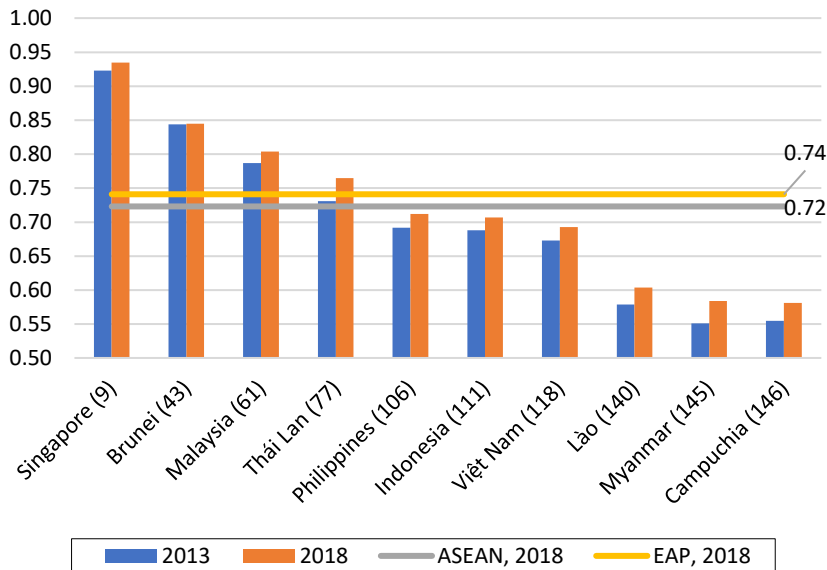
Nguồn: World Development Indicators – (WB, 2020)



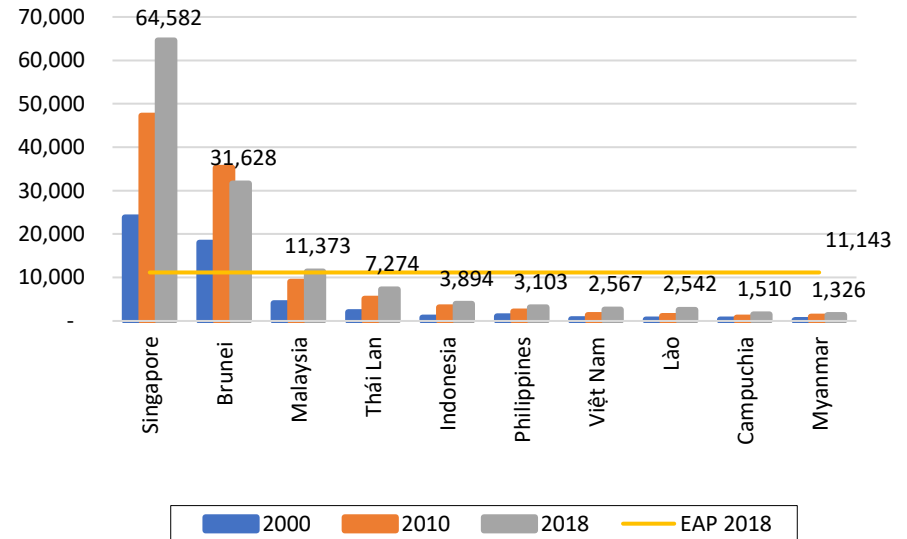
Khoảng cách về thu nhập giữa các quốc gia

- Khoảng cách thu nhập (GDP bình quân đầu người) giữa các quốc gia đã tăng lên về giá trị tuyệt đối nhưng giảm dần về số tương đối.
- Bảy nước ASEAN có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn so với mức trung bình ở Đông Á và Thái Bình Dương (EAP).

HDI và GDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành tại các quốc gia ASEAN, 2000-2018)



HDI



GDP bình quân đầu người

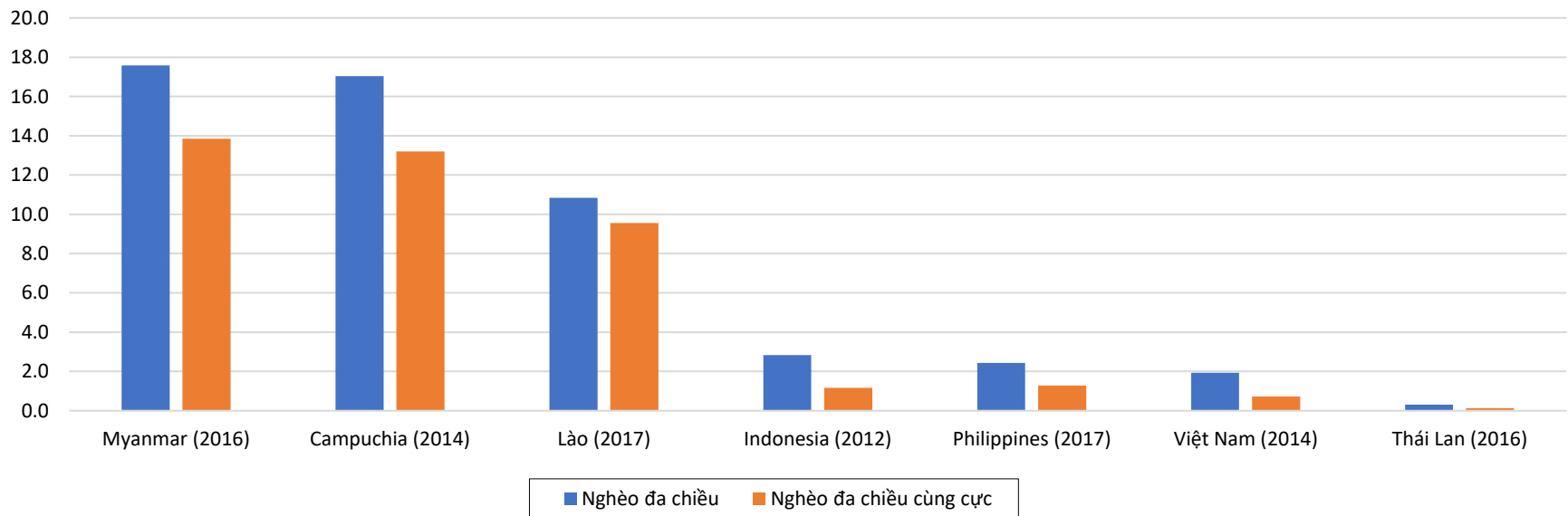
Ghi chú: EAP: Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương

Nguồn: WB (2020) and UNDP (2020)

VEPR Tỷ lệ nghèo

- Nhiều nước ASEAN đối mặt với tỷ lệ nghèo đói cao (được đo bằng thu nhập), bao gồm Myanmar (24,8%), Lào (23,4%), Philippines (21,6%) và Campuchia (17,7%).
- Xét về Chỉ số Nghèo đa chiều (MPI), Myanmar, Lào và Campuchia dường như bị bỏ lại phía sau với tỷ lệ nghèo đa chiều chiếm tới hơn 10% dân số.

Tỷ lệ nghèo đa chiều tại các quốc gia ASEAN (% dân số)



Ghi chú: không có dữ liệu của Malaysia, Brunei, và Singapore.

Nguồn: UNDP (2020)

VEPR Chỉ số Gini

- Các quốc gia ASEAN ghi nhận mức độ bất bình đẳng cao trong thu nhập (Talpur, 2019).
- Chỉ số Gini về bất bình đẳng thu nhập của Philippines là cao nhất tại ASEAN trong giai đoạn 2000-2017.
- Singapore và Indonesia chứng kiến chỉ số bất bình đẳng tăng lên cao nhất trong giai đoạn 1999-2014 (UNESCAP, 2018b).

Chỉ số Gini tại các quốc gia ASEAN, 2000- 2017

Quốc gia	Chỉ số Gini về thu nhập		Tỉ trọng thu nhập của 40% dân số nghèo nhất		Tỉ trọng thu nhập của 10% dân số giàu nhất		Chỉ số Gini về tài sản
	2000-2009	2010-2017	2000-2009	2010-2017	2000-2009	2010-2017	2016*
Philippines	46.9	45.5	13.8	14.5	36.8	35.6	83.9
Malaysia	45.9	42.1	13.6	15.4	34.5	32.1	82.0
Singapore	n. a	39.8	n. a	n. a	n. a	n. a	73.3
Indonesia	33.5	38.9	21.0	17.7	27.1	31.2	83.7
Myanmar	n. a	38.1	n. a	18.6	n. a	31.7	n. a
Thái Lan	41.3	37.6	16.3	18.0	32.2	29.3	85.1
Campuchia	n. a	36.6	n. a	n. a	n. a	n. a	70.0
Lào	34.0	36.4	20.4	19.1	28.2	29.8	84.9
Việt Nam	36.3	36.3	18.7	18.5	28.6	28.1	74.5

Ghi chú: *Chỉ số Gini về thu nhập của Campuchia, Singapore, Chỉ số Gini về tài sản của các quốc gia ASEAN được thu thập từ WEF (2018). Các chỉ số còn lại từ WB (2020). Chỉ số Gini càng cao càng thể hiện sự bất bình đẳng. Không có dữ liệu của Brunei.

Nguồn: UNDP (2020)

VEPR Quản trị

- Năng lực quản trị là khác nhau giữa các nước ASEAN. Tuy nhiên, tại tất cả các quốc gia thành viên ASEAN, tiếng nói của người dân có vai trò thấp và trách nhiệm giải trình của chính quyền cũng được đánh giá thấp.
- Một số quốc gia như Myanmar và Philippines thậm chí còn phải đối mặt với bất ổn chính trị, điều này ngăn cản họ giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội khác như tỷ lệ nghèo đói cao và bất bình đẳng gia tăng.

Chỉ số Quản trị tại các Quốc gia ASEAN, 2018

Quốc gia	Kiểm soát tham nhũng	Hiệu quả của chính phủ	Ổn định chính trị	Chất lượng pháp lý	Pháp quyền	Tiếng nói và trách nhiệm giải trình	Bình quân
Singapore	99.0	100.0	98.6	99.5	97.1	41.9	89.4
Brunei	79.8	87.0	91.9	74.5	75.0	24.6	72.1
Malaysia	63.9	81.3	54.3	74.0	74.5	41.4	64.9
Indonesia	46.2	59.1	27.6	51.0	42.8	52.2	46.5
Thái Lan	40.9	66.8	19.5	59.6	54.8	20.2	43.6
Việt Nam	38.0	53.4	53.8	36.5	54.3	9.4	40.9
Philippines	34.1	55.3	12.9	56.7	34.1	47.8	40.2
Campuchia	8.7	32.2	51.4	32.7	11.1	13.8	25.0
Lào	15.4	24.5	60.0	20.7	18.8	4.4	24.0
Myanmar	30.3	12.5	10.5	22.6	15.4	23.6	19.1

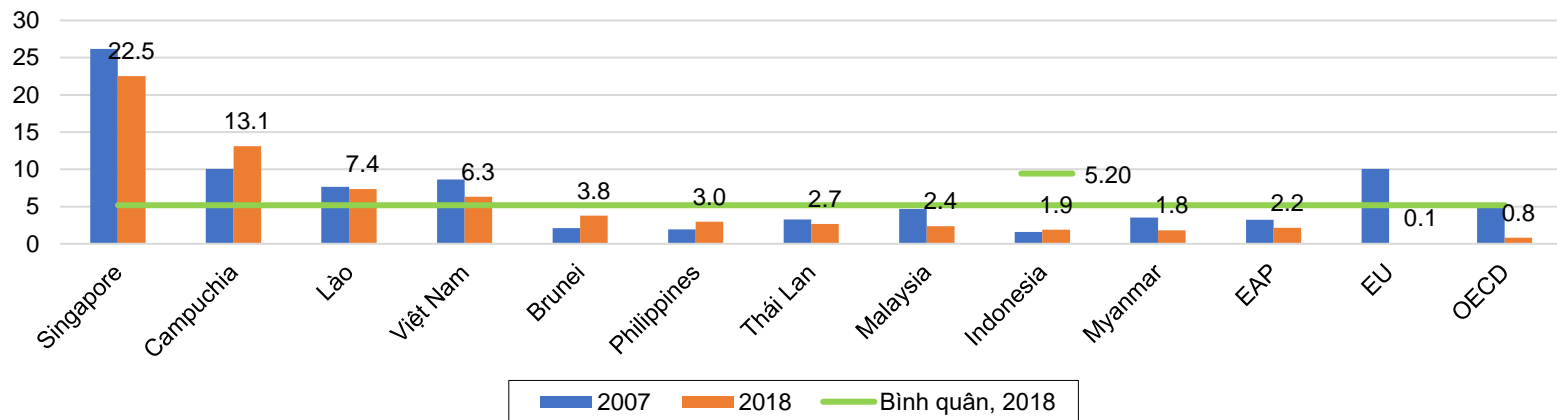
Ghi chú: WB chấm điểm các quốc gia theo từng khía cạnh quản trị (0=rất kém; 100=rất tốt), không có chỉ số chung để xếp hạng các quốc gia. Bảng này được sắp xếp theo điểm bình quân của các chỉ số thành phần.

Nguồn: WB (2020)

VEPR Dòng vốn FDI

- Dòng vốn FDI chảy vào các nước ASEAN tăng trung bình 5,2% trong giai đoạn 2010-2018. Tuy nhiên, 6 trong số 10 nước ASEAN chứng kiến tỷ lệ FDI/GDP giảm.
- 50% tổng vốn FDI trong khu vực được đổ vào Singapore. Tuy nhiên, Singapore được coi là quốc gia trung gian trong việc thu hút vốn đầu tư, dòng vốn sau đó được tái đầu tư vào các quốc gia khác, các MNCs có thể hưởng mức thuế TNDN thấp từ Singapore (Damgaard et al., 2019; Garcia-Bernardo và cộng sự, 2017).

Dòng vốn FDI tại các quốc gia ASEAN, 2007-2018 (% GDP)



Nguồn: WB (2020)

VEPR Nội dung

- Tổng quan về các nước ASEAN
- Áp lực tài khóa, hệ thống thuế và bất bình đẳng
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia ASEAN
 - Khung pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ứng phó với COVID-19
 - Cạnh tranh thuế
 - Ưu đãi thuế và FDI
- Chi phí ưu đãi thuế doanh nghiệp trong khu vực ASEAN
- Ưu đãi thuế trên toàn cầu
- Khuyến nghị chính sách

VEPR Áp lực tài khoá

- Bốn quốc gia ASEAN đang phải đối mặt với tỷ lệ nợ công trên GDP cao nhất là Singapore, Lào, Việt Nam và Malaysia.

Nợ công tại các quốc gia ASEAN, 2007-2018, (% GDP)

Country	Nợ công		Nợ nước ngoài	
	2007	2015	2015	2018
Singapore	86.3	104.7	n. a	n. a
Lào	62.5	61.9	46.5	51.0
Việt Nam	40.9	58.3	24.0	21.7
Malaysia	39.9	57.4	n. a	n. a
Thái Lan	35.1	42.7	5.6	7.1
Philippines	44.6	34.8	13.4	11.0
Myanmar	62.5	34.3	21.9	19.2
Campuchia	30.5	32.5	30.2	27.4
Indonesia	32.3	27.3	18.5	20.9
Brunei	0.7	2.8	n. a	n. a

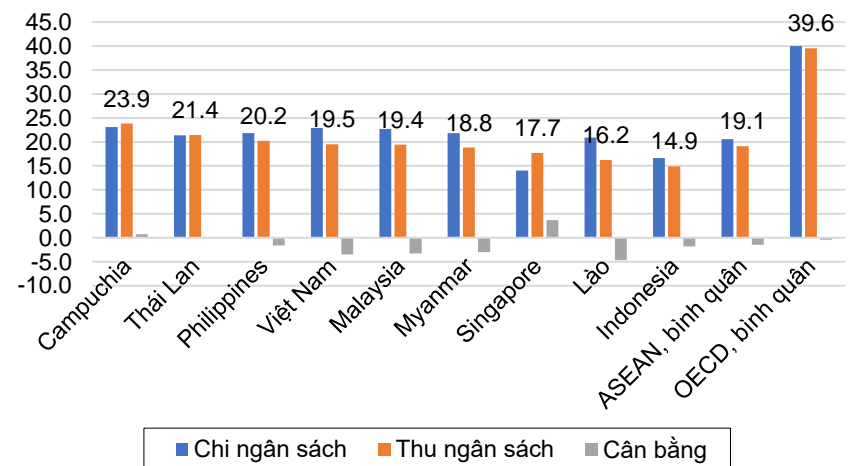
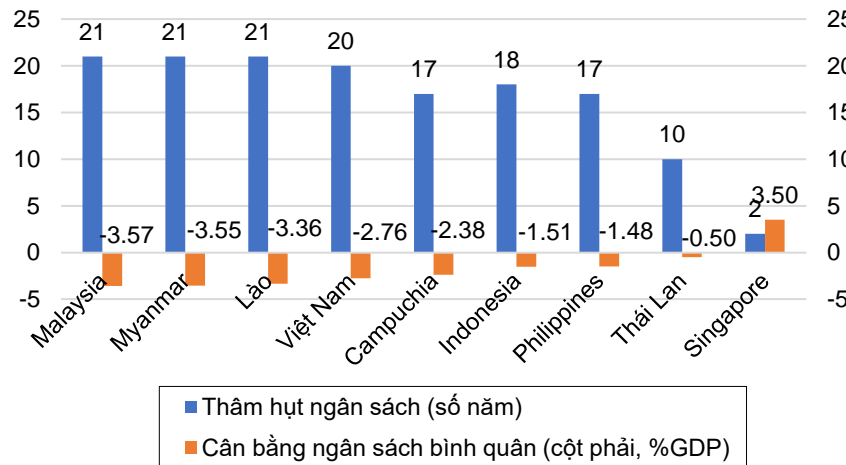
Ghi chú: Nợ công được tính toán từ dữ liệu của WB (2020), các chỉ số còn lại được tính từ dữ liệu của IMF (2020).

Nguồn: Global Debt Database – IMF (2020); World Development Indicators - WB (2020)

VEPR Áp lực tài khoá (tiếp)

- Bảy nước ASEAN bị thâm hụt ngân sách trong một thời gian dài. Malaysia, Myanmar và Lào ghi nhận mức thâm hụt tất cả các năm trong giai đoạn 2000-2020. Việt Nam, Campuchia, Indonesia và Philippines cũng trải qua 17-20 năm thâm hụt ngân sách trong cùng thời kỳ.
- Năm 2018, có tới sáu quốc gia ASEAN thiếu nguồn lực cho chi tiêu ngân sách. Cụ thể, mức thâm hụt ngân sách là 4,7% GDP ở Lào và 3,5% ở Việt Nam, khoảng 3% ở Malaysia và Myanmar, và khoảng 1,7% ở Philippines và Indonesia.

Một số chỉ tiêu ngân sách tại các quốc gia ASEAN

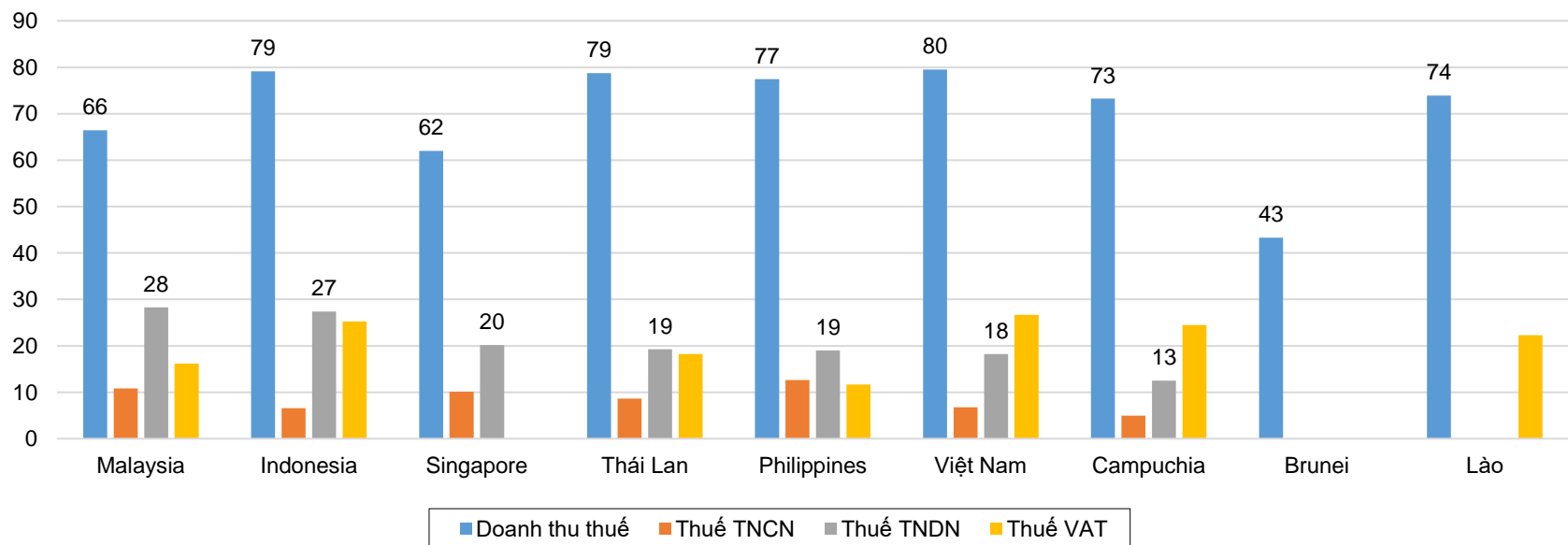


Ghi chú: Nợ công được tính toán từ dữ liệu của WB (2020), các chỉ số còn lại được tính từ dữ liệu của IMF (2020).

VEPR Hệ thống thuế

- Thuế chiếm tỉ lệ hơn 60% tổng thu ngân sách tại các quốc gia ASEAN; đặc biệt là ở Indonesia, Thái Lan và Việt Nam, tỷ lệ này lên tới gần 80%.
- Một số quốc gia phụ thuộc nhiều vào nguồn thu từ thuế TNDN như Malaysia và Singapore (chiếm hơn một phần tư tổng thu ngân sách).

Cấu trúc thu ngân sách tại các quốc gia ASEAN, 2017



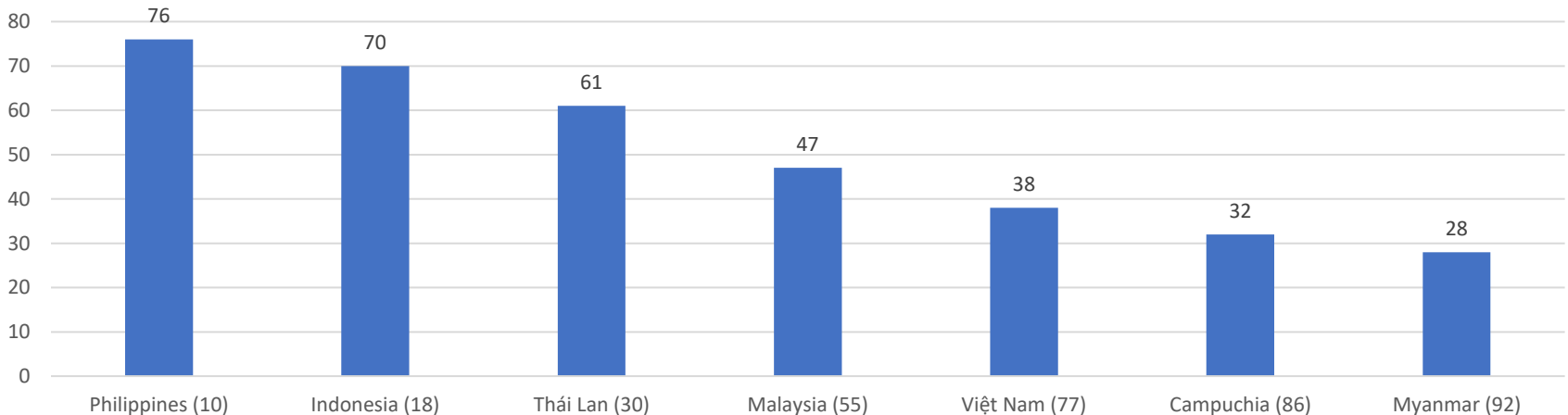
Ghi chú: Dữ liệu của Campuchia năm 2016, Không có dữ liệu của Myanmar từ năm 2006.

Nguồn: World Revenue Longitudinal Dataset (WoRLD) – (IMF, 2020b), và (Bộ Tài chính Việt Nam, 2019)

Chỉ số Công khai Ngân sách

- Mức độ minh bạch ngân sách của các quốc gia thành viên ASEAN là rất khác biệt. Theo khảo sát về Chỉ số công khai ngân sách (OBI), Philippines xếp hạng cao nhất trong số các nước ASEAN (76/100), đứng thứ 10 trong số 117 quốc gia được đánh giá.
- Trong khi đó, xếp hạng chỉ số OBI của Myanmar là thấp nhất (28/100) và xếp thứ 92 trên 117 quốc gia được đánh giá.

Chỉ số Công khai Ngân sách (OBI) tại ASEAN, 2019



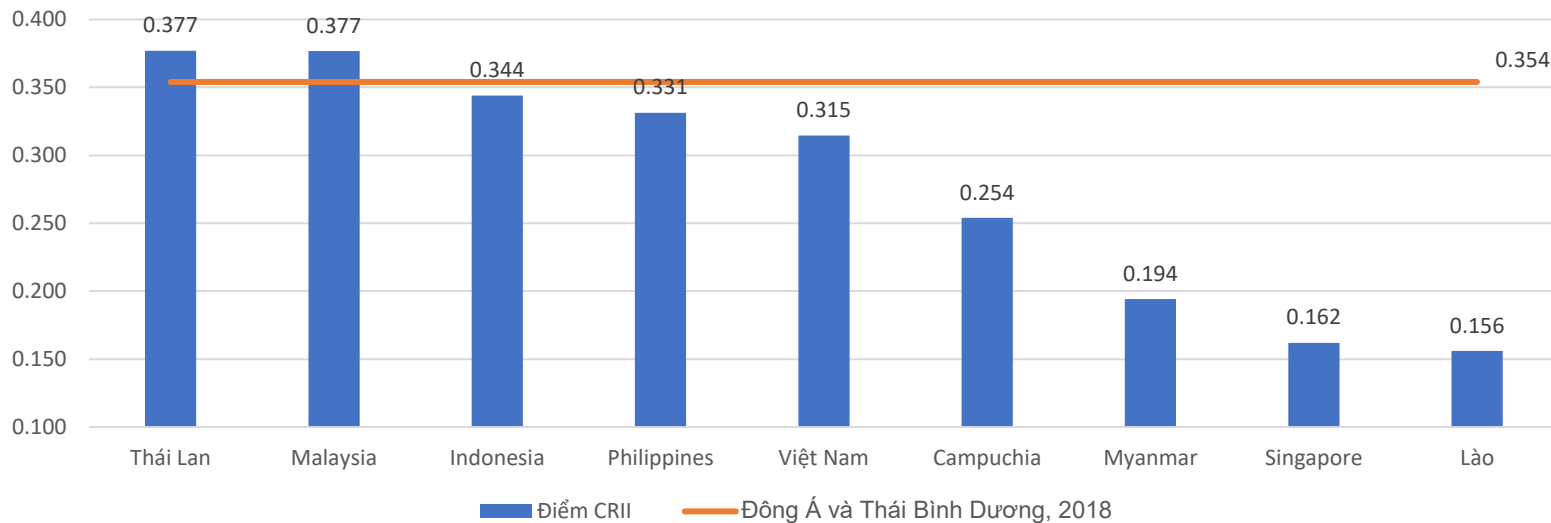
Ghi chú: Có 117 quốc gia được xếp hạng 0 = không minh bạch - 100 = rất minh bạch.

Nguồn: IBP (2020)

Chỉ số cam kết giảm bất bình đẳng

- DFI và Oxfam (2018) đã công bố Chỉ số Cam kết giảm bất bình đẳng (CRII) để nhấn mạnh vai trò của chính sách thuế công bằng, chi tiêu ngân sách cho y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội và các quy định lao động trong việc giải quyết bất bình đẳng.
- Tất cả các nước ASEAN đều nằm trong nửa dưới của bảng xếp hạng này.

Chỉ số CRII tại các quốc gia ASEAN, 2018



Ghi chú: Không có dữ liệu của Brunei. Chỉ số CRII 2018 xếp hạng 157 quốc gia dựa trên hiệu quả chính sách chi tiêu xã hội, thuế lũy tiến và quyền của người lao động – ba lĩnh vực quan trọng trong việc giảm thiểu bất bình đẳng.



Áp lực tài khóa để giải quyết bất bình đẳng

- ADB (2018) chỉ ra rằng hầu hết các nước ASEAN phải đối mặt với áp lực tài khóa để chi tiêu xã hội (cho các lĩnh vực về an ninh thu nhập, y tế, giáo dục, hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác) để có thể đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).
- Ba nước nghèo nhất là Campuchia, Lào và Myanmar phải chịu nhiều áp lực nhất.

Áp lực tài khoá trong chương trình Bảo trợ xã hội tại các quốc gia ASEAN, 2018

Không có áp lực hoặc áp lực thấp	Áp lực có thể kiểm soát	Áp lực lớn về tài khoá
= áp lực tương đối <10%	= áp lực nằm trong khoảng 10%-20%	= áp lực tương đối >20%
Indonesia Philippines Thái Lan	Malaysia Việt Nam	Campuchia Lào Myanmar

Ghi chú: Không bao gồm Singapore và Brunei. Đông Timor nhiều khả năng được xếp vào nhóm áp lực lớn về tài khoá.

Nguồn: ADB (2018)

VEPR Nội dung

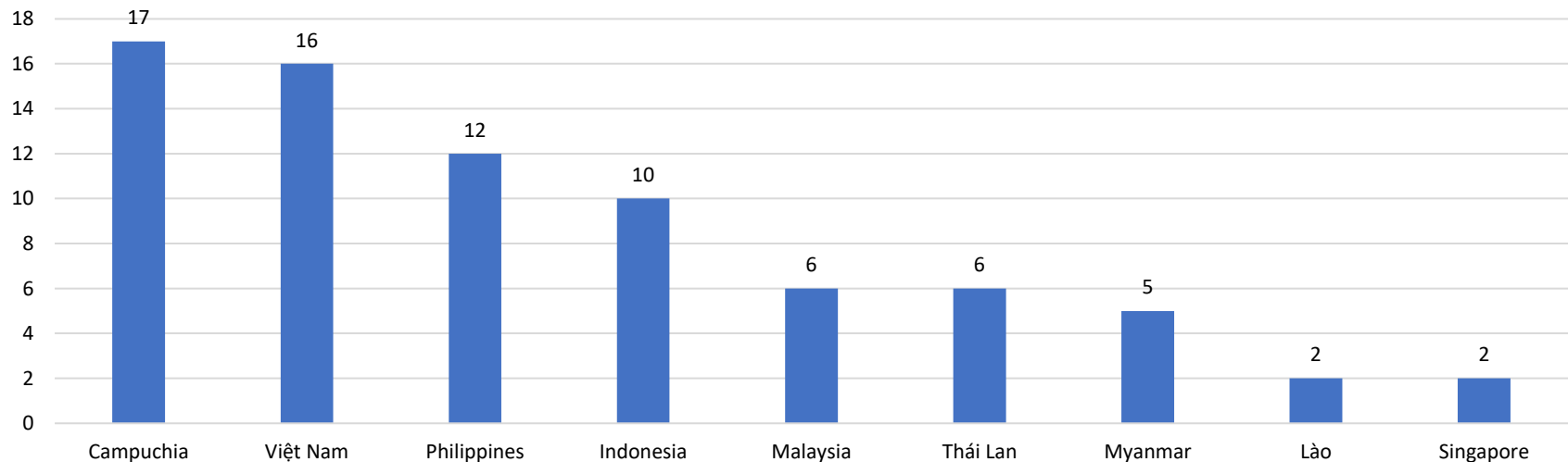
- Tổng quan về các nước ASEAN
- Áp lực tài khóa, hệ thống thuế và bất bình đẳng
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia ASEAN
 - Khung pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ứng phó với COVID-19
 - Cạnh tranh thuế
 - Ưu đãi thuế và FDI
- Chi phí ưu đãi thuế doanh nghiệp trong khu vực ASEAN
- Ưu đãi thuế trên toàn cầu
- Khuyến nghị chính sách



Khung pháp lý về ưu đãi thuế TNDN

- Thông thường, các ưu đãi thuế được quy định trong Luật Thuế và các Luật liên quan đến đầu tư nước ngoài.
- Luật thuế nói chung và Luật về ưu đãi thuế nói riêng luôn được sửa đổi để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Trong khu vực ASEAN, các luật về ưu đãi thuế được cập nhật theo xu hướng tăng cường các ưu đãi.

Số lượng văn bản pháp lý về ưu đãi thuế tại các quốc gia ASEAN, 2020



Ghi chú: Tại Lào và Singapore chỉ có văn bản Luật được liệt kê.

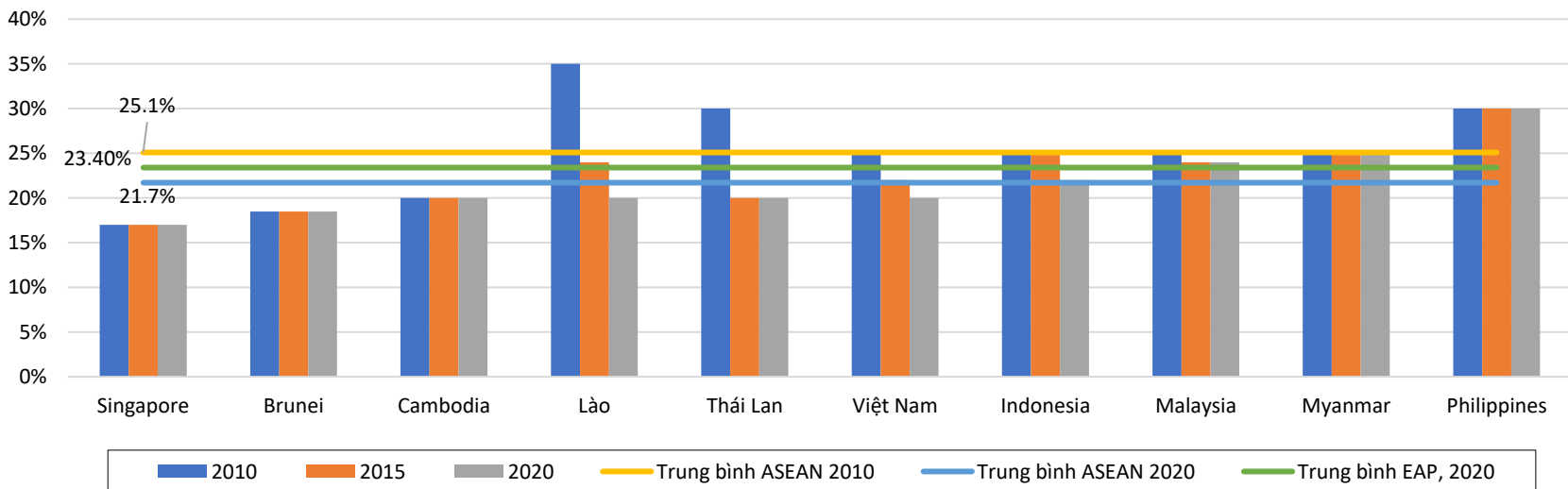
Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp



Thuế TNDN tiêu chuẩn tại các nước ASEAN

- Trong ASEAN, mỗi quốc gia đặt ra mức thuế TNDN tiêu chuẩn khác nhau. Cao nhất là Philippine với mức thuế suất 30%, thấp nhất là Singapore với 17%.
- Mức trung bình của thuế suất thuế TNDN ở các nước ASEAN có xu hướng giảm trong thập kỷ qua, từ 25,1% (2010) xuống còn 21,7% (2020). Tỷ lệ này vào năm 2020 thấp hơn 1,7 điểm phần trăm so với mức trung bình tại các quốc gia trong khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (EAP).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn tại các quốc gia ASEAN, 2020



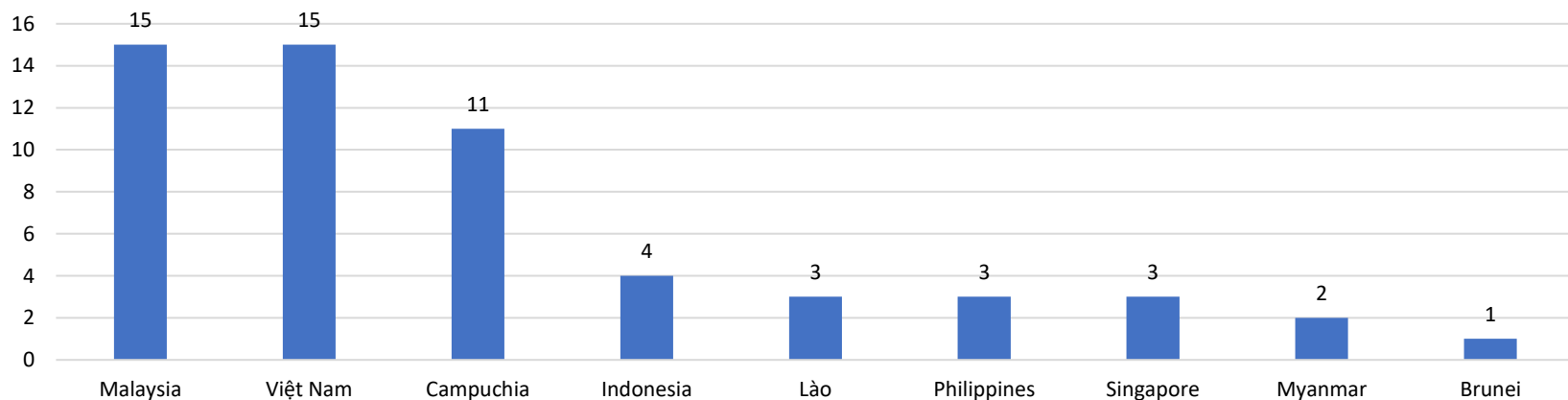
Nguồn: Trading Economics (2020)

Ưu đãi thuế tại các nước ASEAN

Miễn thuế

- Tùy thuộc lĩnh vực ưu tiên mà các chính phủ sẽ quyết định các hoạt động hoặc lĩnh vực nào đủ điều kiện miễn thuế. Lào, Myanmar và Indonesia cung cấp miễn thuế cho các hoạt động tái đầu tư trong khi ưu đãi tương tự được cấp cho các hoạt động kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam và Campuchia. Malaysia miễn thuế đối với các dự án dịch vụ được phê duyệt. Singapore và Brunei áp dụng miễn thuế dựa trên quy mô doanh nghiệp.

Số lượng các lĩnh vực hoạt động được miễn thuế tại các nước ASEAN, 2020



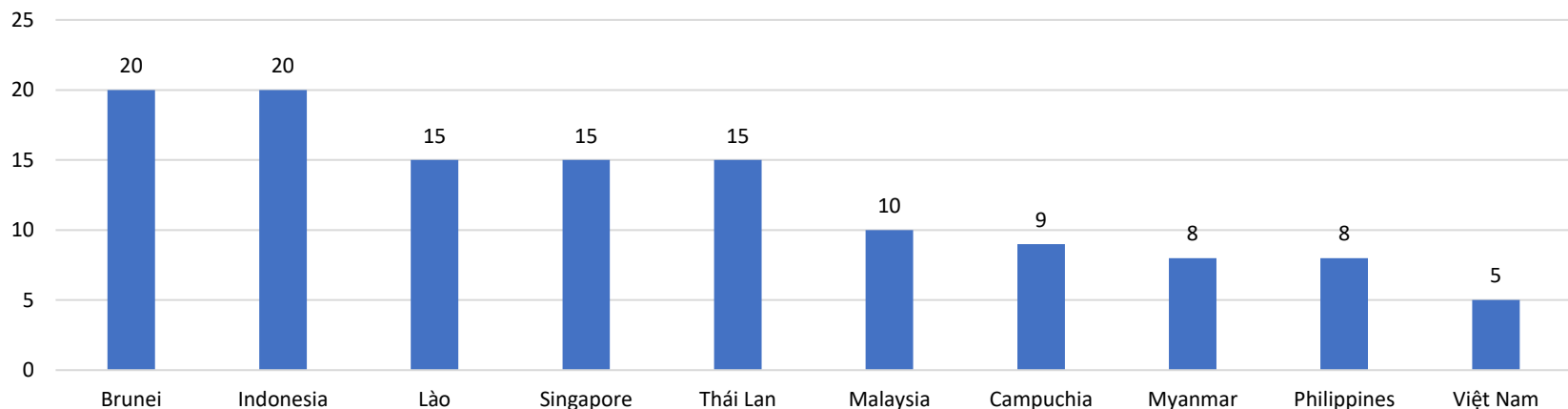
Ghi chú: Có sự khác biệt giữa các quốc gia trong việc phân loại danh mục miễn thuế. Ví dụ: Việt Nam và Campuchia phân loại theo nguồn thu nhập. Singapore, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar và Philippines phân loại theo các hoạt động kinh doanh. Brunei phân loại theo quy mô kinh doanh.

Ưu đãi thuế tại các nước ASEAN

Ân hạn thuế

- Tại các nước ASEAN, thời gian ân hạn thuế thường kéo dài từ 5 đến 20 năm tùy theo luật pháp của từng quốc gia. Brunei và Indonesia cung cấp thời gian ân hạn thuế dài nhất trong khu vực, lên tới 20 năm.
- Stausholm (2017) kết luận rằng loại ưu đãi thuế này không hiệu quả đối với các nước đang phát triển muốn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững; trái lại, nó có thể làm suy yếu sự phát triển. OECD khuyến cáo ân hạn thuế cũng như các ưu đãi thuế dựa trên lợi nhuận khác nên được giảm và loại bỏ (OECD, 2019a).

Thời gian tối đa của các ân hạn thuế tại các quốc gia ASEAN, 2020



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp



Ưu đãi thuế tại các nước ASEAN

Giảm thuế

- Nhóm đối tượng được hưởng ưu đãi giảm thuế thường rộng hơn so với miễn thuế và ân hạn thuế.
- Doanh nghiệp tại các quốc gia ASEAN có thể được hưởng ít nhất 50% và tối đa là 100% mức giảm thuế TNDN.
- Campuchia, Thái Lan, Indonesia và Malaysia là bốn quốc gia cung cấp mức giảm thuế TNDN hấp dẫn nhất, lên tới 100% thu nhập chịu thuế.

Thuế TNDN tiêu chuẩn và sau khi áp dụng ưu đãi giảm thuế mức cao nhất tại các quốc gia ASEAN, 2020

Quốc gia	Thuế TNDN tiêu chuẩn	Thuế TNDN sau khi đã áp dụng ưu đãi ở mức cao nhất
Brunei	18.5%	n.a
Campuchia	20%	0%
Indonesia	22%	0%
Lào	20%	5%
Malaysia	24%	0%
Myanmar	25%	12.5%
Philippines	30%	5%
Singapore	17%	5%
Thái Lan	20%	0%
Việt Nam	20%	10%

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Ưu đãi thuế tại các nước ASEAN

Khấu trừ thuế

- Ở các nước ASEAN, các doanh nghiệp được phép khấu trừ tất cả các chi phí hợp lý liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- Một số quốc gia như Campuchia, Malaysia, Singapore và Thái Lan cung cấp các khoản khấu trừ thuế bổ sung cho các hoạt động liên quan đến doanh nghiệp SMEs, đào tạo, R&D, xuất khẩu và mở rộng thị trường ra nước ngoài. Khấu trừ thuế ở Singapore có thể lên tới **400%** chi phí đủ điều kiện khấu trừ.
- Tại Việt Nam, các khoản khấu trừ thuế được áp dụng đối với các chi phí bổ sung cho lao động nữ trong các công ty sản xuất, xây dựng hoặc vận tải và cho nhóm dân tộc thiểu số trong tất cả các loại hình kinh doanh.
- Tại Philippines, trong 5 năm đầu tiên kể từ ngày đăng ký, một doanh nghiệp đã đăng ký sẽ được phép khấu trừ thêm từ thu nhập chịu thuế tương đương năm mươi phần trăm (50%) tiền lương của công nhân lành nghề và lao động phổ thông được bổ sung trong lực lượng lao động.

Ưu đãi thuế tại các nước ASEAN

Thời gian chuyển lỗ

- Ở cả Malaysia và Singapore, mọi khoản lỗ có thể được chuyển tiếp vô thời hạn và bù đắp bởi phần lợi nhuận thu được từ các giao dịch trong tương lai.
- Indonesia cho phép kéo dài thời gian chuyển tiếp của các khoản lỗ lên đến 10 năm tùy vào lĩnh vực và khu vực kinh doanh.
- Các quốc gia còn lại cung cấp thời gian chuyển lỗ trong khoảng thời gian từ 3 – 6 năm.

Thời gian chuyển lỗ tối đa tại các quốc gia ASEAN, 2020

Quốc gia	Thời gian chuyển lỗ tối đa
Brunei	n.a
Campuchia	5
Indonesia	10
Lào	3
Malaysia	Vô hạn
Myanmar	5
Philippines	6
Singapore	Vô hạn
Thái Lan	5
Việt Nam	5

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Ưu đãi thuế tại các nước ASEAN

Ưu đãi khác

- Chính phủ các quốc gia cũng cung cấp một số ưu đãi khác như tín dụng thuế, trợ cấp đầu tư và khấu hao.
- Ở Singapore và Indonesia, thu nhập đến từ các quốc gia khác có thể tránh được việc đánh thuế hai lần bằng tín dụng thuế nước ngoài theo cam kết trong hiệp ước tránh đánh thuế hai lần giữa các quốc gia.
- Singapore trợ cấp cho các hoạt động mua bán và sáp nhập, cho phép xóa 25% giá trị thương vụ mua lại được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 4/2015 đến hết tháng 3/2020.
- Tại Philippines, các công ty đủ điều kiện cũng có thể được khấu trừ 50% khoản trợ cấp tái đầu tư đối với ngành sản xuất. Malaysia cũng cung cấp một khoản trợ cấp vốn tăng tốc cho các doanh nghiệp.
- Phương pháp khấu hao nhanh cũng được nhiều quốc gia áp dụng. Tại Việt Nam, khung thời gian khấu hao tối thiểu của các loại tài sản cố định có thể là 5-6 năm, thậm chí 2-3 năm.

Ưu đãi thuế ứng phó với đại dịch COVID-19

- Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, các nước ASEAN đã ban hành các chính sách hỗ trợ nền kinh tế để chống lại các tác động tiêu cực, bao gồm các chính sách tài khóa và tiền tệ.

Ưu đãi thuế ứng phó với COVID-19 tại một số quốc gia ASEAN, 2020

Quốc gia	Chi tiết
Campuchia	Các công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng được hưởng ưu đãi ân hạn thuế trong thời gian từ sáu tháng đến một năm.
Indonesia	Các khách sạn và nhà hàng nằm trong 10 điểm du lịch mà chính phủ quảng bá được miễn thuế trong sáu tháng. Thuế TNDN giảm 30% cho các doanh nghiệp ở 19 ngành sản xuất được chỉ định trong vòng sáu tháng.
Lào	Doanh nghiệp siêu nhỏ được miễn nộp thuế thu nhập trong ba tháng kể từ tháng 4 năm 2020.
Malaysia	Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch như khách sạn, hàng không và các đại lý du lịch được hoãn nộp thuế hàng tháng trong sáu tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2020.
Myanmar	Các khoản thanh toán thuế thu nhập và thương mại trong quý hai và quý ba đã được gia hạn đến cuối năm tài chính và miễn 2% thuế thu nhập tạm ứng đối với hàng xuất khẩu đến cuối năm tài chính.
Singapore	Các ưu đãi nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc giảm 25% thuế TNDN cho năm tài chính 2020 và giới hạn ở mức 15.000 SGB (10.700 USD) cho mỗi công ty.
Thái Lan	Gia hạn cho các công ty và các đối tác có quan hệ pháp lý để khai thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm và chuyển biểu mẫu công khai giá đến ngày 31 tháng 8 năm 2020. Thời hạn nộp tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp nửa năm cũng được kéo dài đến ngày 30 tháng 9 năm 2020. Tăng khấu trừ thuế cho các doanh nghiệp nhỏ liên quan đến lãi vay và tiền lương.
Việt Nam	Các ưu đãi bao gồm giảm thuế, hoãn nộp thuế và hoãn nộp tiền thuê đất cho các doanh nghiệp đã gây thiệt hại 1,16 tỷ USD (27 nghìn tỷ đồng) cho ngân sách chính phủ. Ngân hàng Trung ương Việt Nam đã cắt giảm lãi suất từ tháng 2 năm 2020.

Ưu đãi thuế ứng phó với đại dịch COVID-19

- Các ưu đãi thuế được bổ sung trong bối cảnh COVID-19 không thay thế cho các ưu đãi thuế khác đã tồn tại, do đó, chúng chỉ là giải pháp tạm thời để hỗ trợ các nền kinh tế. Các ưu đãi này nên hướng tới những người bị ảnh hưởng nặng nề và dễ bị tổn thương nhất thay vì áp dụng một cách không có kế hoạch, có thể dẫn tới một “cuộc đua xuống đáy” khác sau dịch COVID-19.
- Gánh nặng ngân sách gia tăng trong bối cảnh các chính phủ nỗ lực triển khai các gói hỗ trợ để đối phó với đại dịch COVID-19. Ở các nước ASEAN, chi tiêu ngân sách dự kiến cho các phản ứng với COVID-19 là rất lớn. Singapore và Thái Lan chi khoảng 13% và 9% GDP cho các biện pháp kích thích tài khóa sâu rộng. Con số này ở Philippines, Indonesia và Việt Nam là khoảng 3% GDP (Hayat, 2020). Trong khi đó, theo OECD (2019a), chi qua thuế từ thuế TNDN ở Philippines và Việt Nam chiếm 1% GDP. Nếu không có ưu đãi thuế, gánh nặng ngân sách sẽ giảm một phần ba ở các quốc gia này.

- Việc lạm dụng ưu đãi thuế có thể khiến các nước đang phát triển rơi vào một cuộc đua xuống đáy khi mà các quốc gia láng giềng cố gắng vượt qua nhau trong cuộc cạnh tranh để thu hút các nhà đầu tư từ các nước công nghiệp.
- Quá trình dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang khu vực ASEAN có thể khiến cạnh tranh giữa các nước ASEAN trở nên tồi tệ hơn. Lợi ích từ việc thu hút FDI trở nên quan trọng hơn để các quốc gia thành viên thúc đẩy phát triển kinh tế trong khi quan điểm chung của toàn khu vực ASEAN bị lờ đi.
- Trong dài hạn, quản trị tốt đóng vai trò quyết định trong việc thu hút vốn FDI bền vững để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Globerman & Shapiro, 2002). Trong khi đó, ưu đãi thuế khiến các doanh nghiệp tập trung vào việc giảm gánh nặng thuế hơn là mở rộng sản xuất (Shukla et al., 2011).

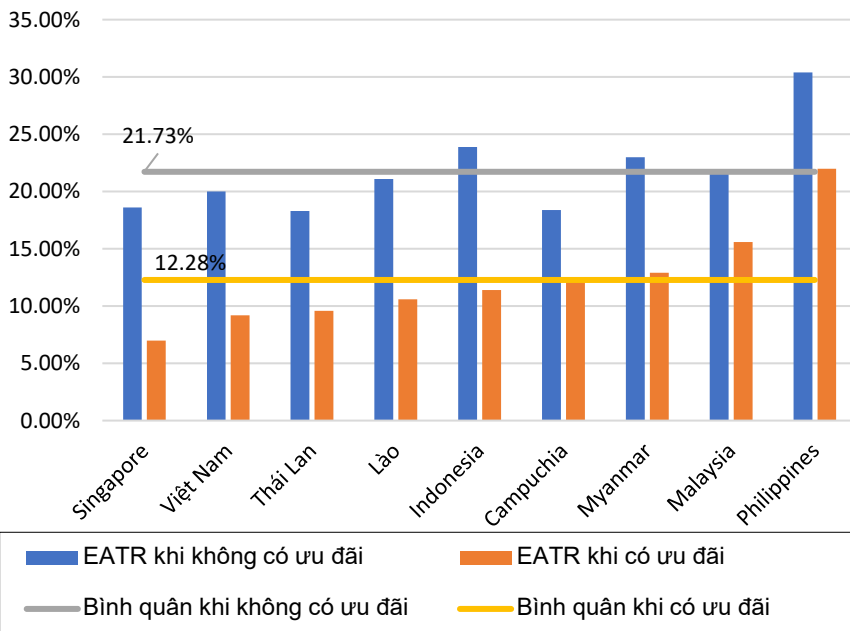


Cạnh tranh thuế

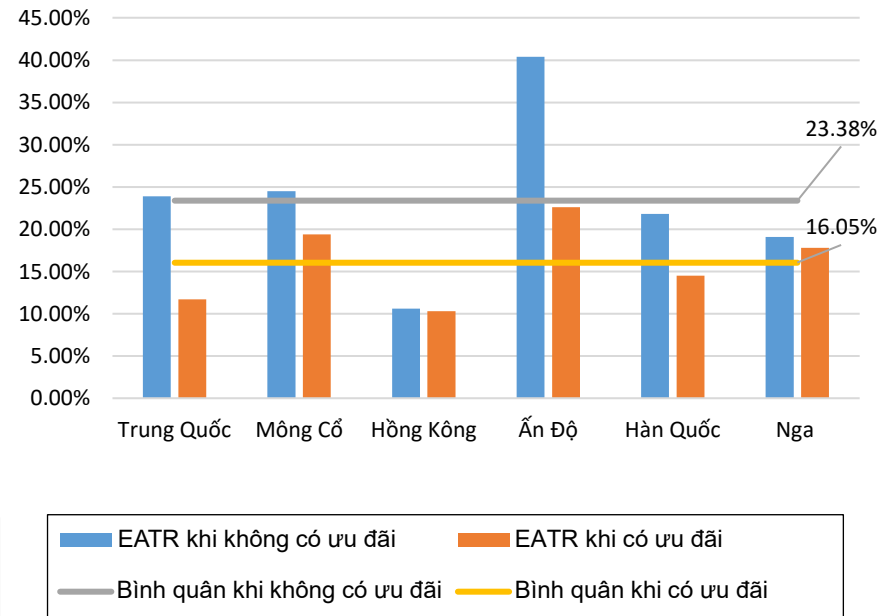
Thuế suất thực nộp bình quân (AETRs)

- Với thực tế có quốc gia ân hạn thuế cho doanh nghiệp lên đến 20 năm và một loạt các ưu đãi khổng lồ về thuế khác, mức thuế suất doanh nghiệp hiệu quả bình quân tại khu vực ASEAN đã giảm trung bình 9,4 điểm phần trăm (2015).

Thuế suất thực nộp (AETR) khi có và không có ưu đãi thuế (%)



Các quốc gia ASEAN



Một số quốc gia khu vực Châu Á
Thái Bình Dương

Cạnh tranh thuế

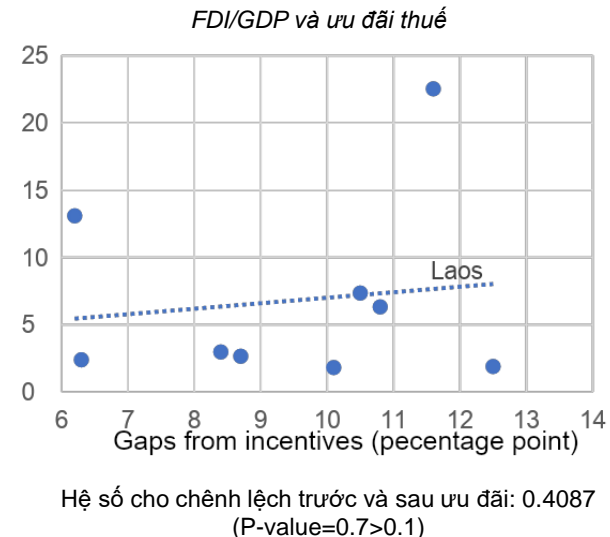
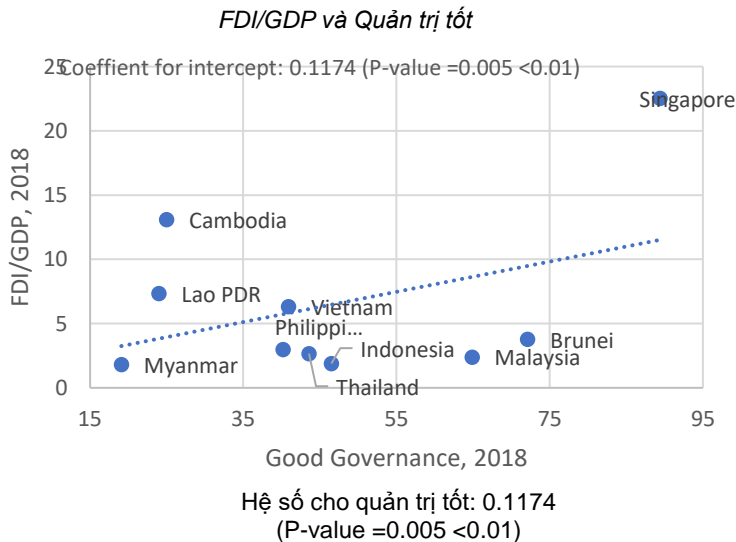
Trường hợp điển hình

- Budiantoro (2015) chỉ ra sự cạnh tranh về thuế giữa Philippines, Việt Nam, Thái Lan và Indonesia, các quốc gia này đang cạnh tranh nhau để đầu tư cho lĩnh vực sản xuất và sử dụng ưu đãi thuế làm công cụ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Năm 1996, trong cuộc cạnh tranh để thu hút đầu tư từ General Motors, Philippines đã đề nghị miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 8 năm và Thái Lan đưa ra khoản miễn trừ tương tự với số tiền bổ sung tương đương 15 triệu USD.
- Năm 2001, để kêu gọi đầu tư từ Canon, Việt Nam đã miễn thuế cho tập đoàn này trong 10 năm, nhưng Philippines cạnh tranh với Việt Nam bằng cách miễn thuế trong khoảng thời gian từ 8 đến 12 năm.
- Vào năm 2014, để lôi kéo khoản đầu tư của Samsung, Indonesia cung cấp ưu đãi thuế trong 10 năm, trong khi Việt Nam đề nghị một khoản ưu đãi trong 15 năm.

VEPR Ưu đãi thuế và FDI

- Trong dài hạn, quản trị tốt đóng vai trò quyết định trong việc thu hút vốn FDI bền vững để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Globerman & Shapiro, 2002). Tại khu vực ASEAN, có một mối tương quan tích cực và có ý nghĩa thống kê giữa tỷ lệ FDI / GDP và quản trị tốt; tuy nhiên, chưa có bằng chứng cho thấy có mối tương quan giữa FDI / GDP với ưu đãi thuế, được đo bằng chênh lệch giữa thuế suất khi có ưu đãi và không có ưu đãi.

FDI, Quản trị tốt, và Ưu đãi thuế tại các quốc gia ASEAN



Ghi chú: Nhóm tác giả sử dụng kỹ thuật OLS để hồi quy FDI/GDP theo chỉ số quản trị và khoảng cách trước và sau khi có ưu đãi thuế tại khu vực ASEAN.

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ WB (2020) và Wiedemann and Finke (2015)

VEPR Nội dung

- Tổng quan về các nước ASEAN
- Áp lực tài khóa, hệ thống thuế và bất bình đẳng
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia ASEAN
 - Khung pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ứng phó với COVID-19
 - Cạnh tranh thuế
 - Ưu đãi thuế và FDI
- Chi phí ưu đãi thuế doanh nghiệp trong khu vực ASEAN
- Ưu đãi thuế trên toàn cầu
- Khuyến nghị chính sách



Chi phí ưu đãi thuế doanh nghiệp trong khu vực ASEAN

Chi phí ưu đãi thuế (chọn lọc) tại các quốc gia ASEAN

Quốc gia	Nhóm chi phí	Loại dữ liệu	Nội dung
Brunei	Thiếu hiệu quả kinh tế	Nghiên cứu trường hợp	Quyền tài phán bí mật đối với hệ sinh thái kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế Brunei.
Campuchia	Chi tiêu thuế TNDN	Giá trị	6% GDP
Indonesia	Dịch chuyển lợi nhuận	Nghiên cứu trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> Tổn thất thuế tiềm năng ở Indonesia từ Adaro Indonesia (AI): 14 triệu USD mỗi năm trong giai đoạn 2009 đến 2017. 27 tranh chấp thuế giữa Indonesia-Hà Lan: khoản lỗ thuế lên tới 26,5 triệu USD.
Lào	Cơ chế không minh bạch	Nghiên cứu trường hợp	Các khoản đầu tư được thỏa thuận theo từng trường hợp và không có thông tin chi tiết nào về các thỏa thuận được công khai.
Malaysia	Chi tiêu thuế TNDN	Nghiên cứu trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> 62,4% trong số 1.251.190 công ty đăng ký với cơ quan thuế, chỉ có 7,8% bị đánh thuế. Thuế suất hiệu quả thấp hoặc không có đối với thu nhập từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác với sự linh hoạt về địa lý.
Myanmar	Ưu đãi dư thừa	Nghiên cứu trường hợp	Các ưu đãi trong hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên (dầu khí, khoáng sản và lâm nghiệp) tại nơi có lợi thế so sánh trong lĩnh vực này (Oxfam, 2017).
Philippines	Chi tiêu thuế TNDN	Giá trị	1% GDP
	Chi tiêu thuế TNDN	Nghiên cứu trường hợp	Ưu đãi thuế 22,17 tỷ USD cho một nhóm đối tượng bao gồm 3.150 công ty từ năm 2015 đến 2017
Singapore	Dịch chuyển lợi nhuận	Nghiên cứu trường hợp	SPV được các MNCs sử dụng để trốn thuế và tránh thuế thông qua các hiệp ước thuế.
Thái Lan	Ưu đãi dư thừa	Nghiên cứu trường hợp	Tối thiểu 70 các khoản đầu tư tại Thái Lan vẫn sẽ được thực hiện ngay cả khi không có ưu đãi.
Việt Nam	Chi tiêu thuế TNDN	Giá trị	<ul style="list-style-type: none"> 7% tổng thu ngân sách năm 2016 (VATJ, 2019) 1% GDP (OECD, 2019a)
	Ưu đãi dư thừa	Nghiên cứu trường hợp	85% nhà đầu tư cho rằng các ưu đãi là không cần thiết (James, 2014)
	Thiếu hiệu quả kinh tế	Nghiên cứu trường hợp	Môi trường đầu tư không công bằng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ghi chú: Thông tin chi tiết xem trong báo cáo tổng hợp.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

VEPR Nội dung

- Tổng quan về các nước ASEAN
- Áp lực tài khóa, hệ thống thuế và bất bình đẳng
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia ASEAN
 - Khung pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ứng phó với COVID-19
 - Cạnh tranh thuế
 - Ưu đãi thuế và FDI
- Chi phí ưu đãi thuế doanh nghiệp trong khu vực ASEAN
- Ưu đãi thuế trên toàn cầu
- Khuyến nghị chính sách

Ưu đãi thuế trên toàn cầu

- Năm 1980, thuế suất TNDN trung bình trên toàn thế giới là 40,38%, năm 2019 con số này giảm xuống còn 24,18% (Tax Foundation, 2019). Cho đến nay, không có hành động chính sách thiết thực nào được thực hiện để ngăn chặn cuộc đua xuống đáy gây thiệt hại này.
- Một cuộc cải cách thuế quốc tế trên diện rộng đã được OECD khởi xướng vào năm 2015 dưới sự ủy nhiệm của G20 mang tên “Xói mòn cơ sở thuế và dịch chuyển lợi nhuận” (BEPS 1.0) đã khóa lấp một số lỗ hổng trong hệ thống thuế mà các công ty thường lợi dụng để tránh/né thuế. Tuy nhiên, các cải cách đã không ngăn chặn được cuộc đua xuống đáy và giải quyết không triệt để vấn đề cạnh tranh thuế thông qua các ưu đãi thuế doanh nghiệp.
- Năm 2019, vòng đàm phán mới (BEPS 2.0) - được bắt đầu trên cơ sở cần có những cải cách cơ bản hơn và nhận thức rõ về bản chất tác hại của cạnh tranh thuế doanh nghiệp. BEPS 2.0 đang thảo luận xem có nên áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN thực nộp tối thiểu trên cơ sở của từng quốc gia hay không.

VEPR Nội dung

- Tổng quan về các nước ASEAN
- Áp lực tài khóa, hệ thống thuế và bất bình đẳng
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại các quốc gia ASEAN
 - Khung pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ở các nước ASEAN
 - Ưu đãi thuế ứng phó với COVID-19
 - Cạnh tranh thuế
 - Ưu đãi thuế và FDI
- Chi phí ưu đãi thuế doanh nghiệp trong khu vực ASEAN
- Ưu đãi thuế trên toàn cầu
- Khuyến nghị chính sách

Khuyến nghị chính sách

- Ưu đãi thuế ngày càng trở nên phổ biến, đặc biệt là những ưu đãi liên quan đến thuế TNDN. Tuy nhiên, việc lạm dụng ưu đãi về thuế có thể khiến các quốc gia đang phát triển lao vào một “cuộc đua xuống đáy”.
- Các doanh nghiệp trong khu vực ASEAN được cung cấp ưu đãi thuế ở mức cao và các khoản thu bị thất thoát do các ưu đãi này là rất lớn.
- Việc áp dụng các ưu đãi thuế quá mức tồn tại nhiều hạn chế. Ví dụ như chi phí thực hiện và tuân thủ cao, nguy cơ tham nhũng, bất bình đẳng, môi trường đầu tư không công bằng và xói mòn cơ sở thuế.
- **Khuyến nghị 1: Thiết lập danh sách trắng và đen về ưu đãi thuế**
- **Khuyến nghị 2: Thiết lập mức thuế suất tối thiểu trong ASEAN.**
- **Khuyến nghị 3: Xây dựng quy tắc cho việc quản trị tốt các ưu đãi thuế.**

Khuyến nghị chính sách

■ Khuyến nghị 1: Thiết lập danh sách trắng và đen về ưu đãi thuế

- ASEAN cần quy định các loại hình ưu đãi thuế không được phép sử dụng và đưa chúng vào danh sách đen, đồng thời đưa ra lộ trình loại bỏ những ưu đãi này trong khu vực với thời hạn nhất định.
- Đồng thời, ASEAN nên thống nhất một danh sách trắng quy định những ưu đãi thuế có thể được cho phép và chấp nhận áp dụng trong khu vực.
- Danh sách đen nên bao gồm các ưu đãi thuế dựa trên lợi nhuận, ví dụ: các ưu đãi thuế tạo ra mức thuế suất thấp cho lợi nhuận chịu thuế như ân hạn thuế, miễn thuế, chuyển lỗ, và thuế suất ưu đãi.
- Cần áp dụng một cơ chế khu vực giám sát các chính sách thuế và cùng đồng thuận những ưu đãi nào nên được liệt kê vào danh sách đen hoặc danh sách trắng. Cơ chế này cần minh bạch và có sự tham gia thực chất của đại diện của các chính phủ, chuyên gia quốc tế, tổ chức xã hội, và giới học thuật tại ASEAN.

Khuyến nghị chính sách

- **Khuyến nghị 2: Thiết lập mức thuế suất tối thiểu thực nộp trong ASEAN**
 - ASEAN cần chặn dứt cuộc đua xuống đáy về ưu đãi thuế. Trong khi các nước trên thế giới đang xây dựng quy định về mức thuế suất tối thiểu toàn cầu, ASEAN nên thống nhất một cách tiếp cận chung trong khu vực.
 - ASEAN cần thống nhất mức thuế TNDN thực nộp của từng nước không được thấp hơn mức thuế suất doanh nghiệp thực nộp tối thiểu của khu vực. Mức thuế suất thực nộp tối thiểu này nên được ASEAN thảo luận một cách kỹ lưỡng và nên quanh mức từ 12,5% đến 20%. Điều này sẽ củng cố doanh thu thuế tại các quốc gia và ngăn chặn việc các nước thành viên xây dựng các chính sách có lợi cho nước mình nhưng lại có hại cho nước láng giềng.

VEPR **Khuyến nghị chính sách**

■ **Khuyến nghị 3: Xây dựng quy tắc quản trị tốt các ưu đãi thuế**

- ASEAN cần thống nhất các quy định về quản trị tốt các ưu đãi thuế. Tất cả các ưu đãi thuế nên quy định trong một đạo luật tại một quốc gia, ví dụ luật thuế, luật doanh nghiệp, hoặc luật đầu tư, tùy vào đặc điểm lịch sử chính sách của từng quốc gia; tuy nhiên, phải đảm bảo rằng không có một ưu đãi thuế nào được áp dụng riêng lẻ cho một doanh nghiệp nào đó một cách tùy tiện. Trong mọi trường hợp, bất kỳ ưu đãi thuế nào cũng phải có một thời gian áp dụng rõ ràng và ngày kết thúc được quy định trong luật.
- Ngoài ra, các ưu đãi thuế TNDN ở từng nước ASEAN nên được tích hợp trong một đạo luật với các tiêu chí áp dụng được xác định rõ ràng. Cuối cùng, tất cả các quốc gia thành viên ASEAN nên công bố báo cáo chi qua thuế hàng năm một cách minh bạch, và công bố cùng với báo cáo ngân sách quốc gia hàng năm.
- Nhằm hướng tới mục tiêu quản trị tốt và minh bạch, các quốc gia nên thực hiện đánh giá lợi ích và chi phí của các chính sách ưu đãi thuế như một điều kiện tiên quyết trước khi phê duyệt các ưu đãi thuế đó. Khi được chấp thuận áp dụng, cơ quan nhà nước (tốt nhất là cơ quan thuế) phải thường xuyên giám sát tác động của các ưu đãi thuế này bằng các cuộc đánh giá giữa kỳ để xem kết quả thực hiện có đáp ứng với kỳ vọng của chính sách hay không.

The logo for VEPR (Vietnam Economic Policy Research) is displayed in white, bold, uppercase letters within a dark blue rectangular box.

Xin chân thành cảm ơn!

Trao đổi xin gửi về:

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách,
Trường ĐH Kinh tế, ĐH Quốc gia HN
P.707, Nhà E4, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy

Email: info@vepr.org.vn

Tel: 04.37547506 ext 714/ 0975608677

Fax: 04.37549921